

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày: 24-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn và bà Nguyễn Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 13/6/1996; tại: **xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con **Lê Văn V** (đã chết) và bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1969; chung sống (Không có đăng ký kết hôn) với chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1997; có 02 (hai) người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án: Ngày 16/11/2021 bị Tòa án **thị xã S, Thành phố Hà Nội** xử 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2015 bị **Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Trộm cắp cấp tài sản”; Năm 2018 bị Tòa án **huyện N, tỉnh Thanh Hóa** xử 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”; Năm 2020 bị **Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Ngày 25/9/2023, bị Tòa án nhân **quận N, Thành phố Hà Nội** xử phạt 08 năm tù về tội: “Cướp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T2, Cục C, Bộ C1. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1964; địa chỉ: TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1964; địa chỉ: TDP H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (Giấy uỷ quyền ngày 03/3/2023). Có mặt.

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào trưa ngày 28/02/2023, Lê Văn T và Lê Văn L đến quán Newway của gia đình bà Trịnh Thị N1 để hát Karaoke. Trong khi đang hát thì T nhận được điện thoại từ một người bạn tên là Q ở tỉnh Nghệ An (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể) rủ T đi thăm bạn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S ở huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. T đồng ý rồi đi ra ngoài nhờ bà N1 gọi hộ xe taxi để đi tuy nhiên không có xe taxi nên T đã mượn chiếc xe mô tô biển số: 36B1-120.71, nhãn hiệu: HONDA WAVES, màu sơn: đen - xám của gia đình bà N1 để đi đến Trại giam S, bỏ lại Lê Văn L ở quán. Khi đến Trại giam S, T và Q làm thủ tục để thăm bạn nhưng không được gặp nên cả hai rủ nhau ra quán ngồi uống rượu. Sau khi uống rượu xong, Q quay về tỉnh Nghệ An, lúc này do cần tiền tiêu xài cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên nên T đã bắt xe ô tô khách rồi cho xe mô tô lên xe ô tô khách để đi ra Hà Nội. Khi đến bến xe Y, Hà Nội, T xuống xe, sau đó bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông đang đi bán hàng dạo với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) (T đã từng gặp người này nhưng không rõ họ tên và địa chỉ). Số tiền có được sau khi bán chiếc xe mô tô, T đã tiêu dùng hết. Đến ngày 26/3/2023, T thực hiện hành vi “Cướp tài sản” ở quận N, Thành phố Hà Nội nên bị Công an quận N, Thành phố Hà Nội bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong hình sự huyện C kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô

biển số: 36B1- 120.71 nêu trên trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Điểm a, c khoản 1 điều 23; điểm b khoản 1 điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo **Lê Văn T** từ 12 đến 18 tháng tù và tổng hợp hình phạt 08 năm tù theo bản án số 256/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, buộc bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Về dân sự: Đề nghị bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại giá trị xe mô tô là 5.300.000 đồng.

Đối với người đàn ông bán hàng dạo mà **T** đã bán xe mô tô cho người này. Quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở để xác minh điều tra đối với hành vi nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của bị cáo và nội dung cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

Ngày 28/02/2023, tại **TDP H, TT P, huyện C**, **T** đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô biển số: 36B1-120.71 của gia đình bà **Trịnh Thị N1** để đến Trại giam thăm bạn, nhằm mục đích chiếm đoạt và bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân. Trị giá chiếc xe 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: **Lê Văn T** phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát **huyện C** truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Do đó, phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhân thân xấu. Do đó cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người tốt đồng thời góp phần vào công tác phòng ngừa chung. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã thành khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử vào ngày 25/9/2023 tại bản án số 259/2023/HSST, án có hiệu lực pháp luật. Sau khi quyết định hình phạt của bản án này thì tổng hợp hình phạt của bản án trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Thời hạn tính từ ngày bị cáo **T** bị bắt tạm giam (Ngày 28/3/2023) theo bản án số 256/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại giá trị chiếc xe là 5.300.000đ.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38, Điều 56 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Điểm a, c khoản 1 điều 23; điểm b khoản 1 điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù theo bản án số 256/2023/HSST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ

Liêm, TP Hà Nội, buộc bị cáo **T** phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Về dân sự: **Lê Văn T** phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại bà **Trịnh Thị N1** số tiền 5.300.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà **Trịnh Thị N1** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện bồi thường số tiền trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại điều 357 - Bộ luật dân sự 2015.

Ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo **Lê Văn T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. Cẩm Thủy;
- CQTHAHS Công an H. Cẩm Thủy;
- CQĐT Công an H. Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Ánh Tuyết